

Số: /QĐ-BGTVT Hà Nội, ngày tháng năm 2024

QUYẾT ĐỊNH

Về giao tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024
theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ

BỘ TRƯỞNG BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI

Căn cứ Luật Ngân sách nhà nước ngày 25/6/2015;

Căn cứ Nghị định số 56/2022/NĐ-CP ngày 24/8/2022 của Chính phủ quy định chức năng, nhiệm vụ, quyền hạn và cơ cấu tổ chức của Bộ Giao thông vận tải;

Căn cứ Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ về phạm vi, đối tượng tiết kiệm 5% chi thường xuyên năm 2024;

Căn cứ các Quyết định của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải về giao, điều chỉnh dự toán chi ngân sách nhà nước năm 2024;

Xét báo cáo rà soát của đơn vị và theo đề nghị của Vụ trưởng Vụ Tài chính.

QUYẾT ĐỊNH:

Điều 1. Tiết kiệm, cắt giảm 5% dự toán chi hoạt động kinh tế hàng không và nguồn thu phí được khấu trừ để lại theo chế độ, được giao đầu năm 2024 theo Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ cho các đơn vị thuộc Bộ Giao thông vận tải, chi tiết như phụ lục, bảng biểu từng đơn vị kèm theo.

Điều 2. Căn cứ Quyết định này, các cơ quan, đơn vị thực hiện nộp kinh phí cắt giảm, tiết kiệm vào ngân sách nhà nước và báo cáo theo quy định tại Điều 2 của Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.

Điều 3. Chánh Văn phòng Bộ, Vụ trưởng Vụ Tài chính, Cục trưởng Cục Hàng không Việt Nam và Thủ trưởng các cơ quan, đơn vị có liên quan và đơn vị sử dụng ngân sách chịu trách nhiệm thi hành Quyết định này./.

Nơi nhận:

- Như Điều 3;
- Bộ trưởng (để báo cáo);
- TTr Nguyễn Duy Lâm;
- TTr Nguyễn Danh Huy;
- Bộ Tài chính;
- KBNN Trung ương;
- Đơn vị sử dụng ngân sách;
- KBNN nơi đơn vị giao dịch (gửi qua đơn vị);
- Công thông tin của Bộ GTVT;
- Lưu VT, TC (Tp).

KT. BỘ TRƯỞNG
THỨ TRƯỞNG

Lê Anh Tuấn

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021****TỔNG HỢP DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024***(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08 /2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)**Đơn vị tính: Nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán đã giao trong năm	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
-	TỔNG CỘNG (A+B)	218.397.516	2.811.028	
A	CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	203.738.516	2.165.846	
I	Phí cảng vụ hàng không	187.759.916	1.492.445	
1	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	32.123.990	414.442	Biểu số 36 - VPCHKVN
2	Cảng vụ Hàng không miền Bắc	51.361.947	448.278	Biểu số 36 - CVHKMB
3	Cảng vụ Hàng không miền Trung	39.822.622	299.686	Biểu số 36 - CVHKMT
4	Cảng vụ Hàng không miền Nam	64.451.356	330.039	Biểu số 36 - CVHKMN
II	Phí chuyên ngành hàng không	15.978.600	673.401	
1	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	15.978.600	673.401	Biểu số 36 - VPCHKVN
B	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	14.659.000	645.182	
I	Chi hoạt động kinh tế hàng không (Loại: 280 - Khoản: 296)	14.659.000	645.182	
1	Văn phòng Bộ Giao thông vận tải	60.000	3.000	Biểu số 36 - VPBGTVT
2	Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam	14.599.000	642.182	Biểu số 36 - VPCHKVN

Ghi chú: chi tiết tại các Biểu 36 từng đơn vị kèm theo./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021**Biểu số 36 - VPBGTVT
(Thông tư số 342/2016/TT-BTC)**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị: Văn phòng Bộ Giao thông vận tải

Mã số NS: 1055622 Kho bạc: 0011

Đơn vị tính: Nghìn đồng

TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
1	2	3	4	5
A	Dự toán chi ngân sách nhà nước	60.000	3.000	
I	Chi hoạt động kinh tế hàng không (Loại: 280 - Khoản: 296)	60.000	3.000	
a	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	60.000	3.000	
1	Hoạt động an ninh, an toàn hàng không	60.000	3.000	

Ghi chú, diễn giải:

- Cột 3 "Dự toán đã giao": là số dự toán điều chỉnh tại Quyết định 782/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Cột 4 "Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)" là số kinh phí tiết kiệm được xác định theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ; thay thế số dự toán đã giao tiết kiệm tại Quyết định số 782/QĐ-BGTVT ngày 26/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định đã giao dự toán trước đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021**Biểu số 36 - CVHKMB
(Thông tư số 342/2016/TT-BTC)**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024***(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)***Đơn vị: Cảng vụ Hàng không miền Bắc****Mã số NS: 1095625 Kho bạc: 0019***Đơn vị tính: Nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán đã giao	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
1	2	3	4	5
I	CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	51.361.947	448.278	
1	Phí cảng vụ hàng không	51.361.947	448.278	
a	Chi nhiệm vụ thường xuyên	46.334.847	319.484	
-	Chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ	46.334.847	319.484	
b	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	5.027.100	128.794	
-	Vật tư làm thẻ kiểm soát an ninh	1.356.000	67.800	
-	Trang bị mua sắm trang thiết bị văn phòng, chuyên dùng	664.000	10.619	
-	Chi phục vụ công tác xử phạt vi phạm hành chính	317.500	15.875	
-	Chi phí sửa chữa lớn cho các xe ô tô	690.000	34.500	
-	Kinh phí thuê nhà làm việc đại diện Vinh	360.000	-	
-	Chi bồi dưỡng nâng cao nghiệp vụ chuyên môn	1.539.900	-	
-	Hệ thống quản lý văn bản và điều hành	99.700	-	

Ghi chú, diễn giải:

- Cột 3 "Dự toán đã giao": là số dự toán đã giao tại Quyết định số 1750/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Cột 4 "Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)": là số kinh phí tiết kiệm 5% được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, thẩm định, đề xuất theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.
- Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định đã giao dự toán trước đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021**Biểu số 36 - CVHKMT
(Thông tư số 342/2016/TT-BTC)**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024***(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)***Đơn vị: Cảng vụ Hàng không miền Trung****Mã số NS: 9001603 Kho bạc: 0161***Đơn vị tính: Nghìn đồng*

T	Nội dung	Dự toán đã giao	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
T				
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I	CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	39.822.622	299.686	
1	Phí cảng vụ hàng không	39.822.622	299.686	
a	Chi nhiệm vụ thường xuyên	33.000.622	25.136	
-	Chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ	33.000.622	25.136	
b	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	6.822.000	274.550	
-	Vật tư thẻ kiểm soát an ninh hàng không	615.000	30.750	
-	Chi bồi dưỡng chuyên môn nghiệp vụ	1.240.000	-	
-	Chi hội nghị về công tác xử phạt vi phạm hành chính	334.000	16.700	
-	Mua sắm máy móc, thiết bị	2.460.000	123.000	
-	Chi phí thuê máy chủ và dịch vụ bảo trì phần mềm Văn phòng điện tử Portal Office	91.000	-	
-	Sửa chữa lớn xe ô tô Đại diện	280.000	14.000	
-	Mua sắm trang thiết bị hội nghị truyền hình trực tuyến	970.000	48.500	
-	Sửa chữa lớn nhà làm việc Cam Ranh	832.000	41.600	

Ghi chú, diễn giải:

- Cột 3 "Dự toán đã giao": là số dự toán đã giao tại Quyết định số 1750/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Cột 4 "Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)": là số kinh phí tiết kiệm 5% được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, thẩm định, đề xuất theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.
- Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định đã giao dự toán trước đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021**Biểu số 36 - CVHKMN
(Thông tư số 342/2016/TT-BTC)**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024**

(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)

Đơn vị: Cảng vụ Hàng không miền Nam**Mã số NS: 9000930 Kho bạc: 0111**

Đơn vị tính: Nghìn đồng

T T	Nội dung	Dự toán đã giao	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
<i>1</i>	<i>2</i>	<i>3</i>	<i>4</i>	<i>5</i>
I	CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	64.451.356	330.039	
1	Phí cảng vụ hàng không	64.451.356	330.039	
a	Chi nhiệm vụ thường xuyên	57.549.656	211.986	
-	Chi hoạt động thường xuyên giao tự chủ	57.549.656	211.986	
b	Chi nhiệm vụ không thường xuyên	6.901.700	118.053	
-	Chi cho công tác phối hợp xử lý vi phạm hành chính	1.050.000	52.500	
-	Chi phí vật tư làm thẻ kiểm soát an ninh	1.500.000	960	
-	Chi mua sắm trang bị tài sản, công cụ dụng cụ	826.300	10.373	
-	Chi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn trong nước	1.107.000	-	
-	Chi bồi dưỡng nâng cao trình độ chuyên môn nước ngoài	100.000	-	
-	Sửa chữa lớn xe ô tô chuyên dùng	275.000	9.703	
-	Thuê nhà làm việc của Đại diện Cảng vụ hàng không miền Nam tại Cảng HKQT Long	240.000	-	
-	Bảo dưỡng, sửa chữa, chống thấm nhà trụ sở của đại diện Liên Khương	850.000	42.500	
-	Bảo dưỡng, sửa chữa, chống thấm trụ sở đại diện Phú Quốc	930.400	2.017	
-	Chi phí bảo trì hỗ trợ vận hành hàng năm cho phần mềm PO	23.000	-	

Ghi chú, diễn giải:

- Cột 3 "Dự toán đã giao": là số dự toán đã giao tại Quyết định số 1750/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2023 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.
- Cột 4 "Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)": là số kinh phí tiết kiệm 5% được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, thẩm định, đề xuất theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ.
- Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định đã giao dự toán trước đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.

BỘ GIAO THÔNG VẬN TẢI**Chương: 021**Biểu số 36 - VPCHKVN
(Thông tư số 342/2016/TT-BTC)**DỰ TOÁN CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC NĂM 2024***(kèm theo Quyết định số /QĐ-BGTVT ngày /08/2024 của Bộ trưởng Bộ GTVT)***Đơn vị: Văn phòng Cục Hàng không Việt Nam****Mã số NS: 1059291 Kho bạc: 0016***Đơn vị tính: Nghìn đồng*

TT	Nội dung	Dự toán đã giao trong năm	Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)	Ghi chú
1	2	3	4	5
-	TỔNG CỘNG (A+B)	62.701.590	1.730.025	
A	CHI TỪ NGUỒN PHÍ ĐƯỢC ĐỂ LẠI	48.102.590	1.087.843	
I	Phí cảng vụ hàng không	32.123.990	414.442	
*	<i>Chi từ nguồn phí nhượng quyền khai thác cảng hàng không, sân bay điều chuyển từ các cảng vụ hàng không</i>	-	-	
1	Chi đặc thù tính vào kinh phí thực hiện chế độ tự chủ theo Quyết định số 51/2016/QĐ-TTg	11.476.500	-	
a	Chi nhiệm vụ thường xuyên (tự chủ)	11.476.500	-	
-	Tiền lương tăng thêm (0,8 lần)	9.167.500	-	
-	Thưởng an toàn hàng không	2.309.000	-	
2	Chi đặc thù tính vào kinh phí không thực hiện chế độ tự chủ theo Quyết định số 51/2016/QĐ-TTg	20.647.490	414.442	
a	Chi nhiệm vụ không thường xuyên (không tự chủ)	20.647.490	414.442	
-	Chi đào tạo chuyên ngành hàng không	10.356.490	-	
+	<i>Chi đào tạo trong nước</i>	<i>1.207.200</i>	-	
+	<i>Chi đào tạo tại nước ngoài</i>	<i>9.149.290</i>	-	
-	Hợp tác quốc tế	9.262.000	414.442	
-	Trang phục ngành	1.029.000		
II	Phí chuyên ngành hàng không	15.978.600	673.401	

1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	15.978.600	673.401	
-	Chi phục vụ công tác thu phí, lệ phí	15.978.600	673.401	
B	CHI NGÂN SÁCH NHÀ NƯỚC CẤP	14.599.000	642.182	
I	Chi hoạt động kinh tế hàng không (Loại: 280 - Khoản: 296)	14.599.000	642.182	
1	Kinh phí nhiệm vụ không thường xuyên	14.599.000	642.182	
1	Tổ chức các hội nghị an ninh hàng không, Hội nghị của Ủy ban ANHK; Quy chế phối hợp với Cục An ninh mạng, Bộ Công an; Hội nghị đánh giá về tình hình hoạt động an ninh, an toàn hàng không	599.000	29.636	
2	Nâng cao năng lực trong công tác phối hợp bảo đảm an ninh hàng không (Tập huấn, huấn luyện về công tác đảm bảo an ninh hàng không; khảo sát, kiểm tra, thử nghiệm chất lượng an ninh hàng không...)	1.741.000	82.682	
3	Chi phí duy trì đường truyền của Hệ thống trực tuyến bảo đảm công tác an ninh hàng không và phòng chống khủng bố	4.337.000	216.850	
4	Bảo trì, bảo dưỡng Hệ thống trực tuyến bảo đảm công tác an ninh hàng không và phòng chống khủng bố	885.000	22.589	
5	Kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá về an ninh, an toàn hàng không của Ủy ban An ninh hàng không dân dụng quốc gia	577.000	23.993	
6	Tuyên truyền phổ biến pháp luật về công tác đảm bảo an ninh hàng không dân dụng quốc gia; triển khai đề án tuyên truyền về bảo đảm an ninh hàng không theo Quyết định số 290/QĐ-BGTVT ngày 08/5/2018 và KH số 761/QĐ-BGTVT ngày 31/10/2018	500.000	25.000	
7	Tập huấn nghiệp vụ nâng cao năng lực phối hợp liên ngành trong đảm bảo an toàn hàng không cho các hãng hàng không, các giám sát viên bay, giám sát viên an toàn, giáo viên kiểm tra bay, giáo viên kiểm tra thực hành, giám sát viên an toàn khoang khách...	887.000	44.350	
8	Kiểm tra, khảo sát, thử nghiệm, đánh giá về an toàn hàng không của Cục HKVN	527.000	25.345	
9	Công tác rà soát kiểm kê tài sản kết cấu hạ tầng hàng không	1.000.000	50.000	
10	Công tác phòng PCCC, phòng chống thiên tai và tìm kiếm cứu nạn hàng không	128.000	6.400	

11	Học tập, trao đổi kinh nghiệm đối phó, khẩn nguy hàng không tại các trung tâm chỉ huy khẩn nguy hàng không nước ngoài; về an toàn hàng không và các chương trình cập nhật tài liệu an toàn tại nước ngoài	3.418.000	115.337	
----	---	-----------	---------	--

Ghi chú, diễn giải:

- *Cột 3 "Dự toán đã giao": là số dự toán đã giao và điều chỉnh tại các Quyết định: số 1750/QĐ-BGTVT ngày 28/12/2023, số 1778/QĐ-BGTVT ngày 29/12/2023, số 550/QĐ-BGTVT ngày 10/05/2024, số 782/QĐ-BGTVT ngày 26/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.*
- *Cột 4 "Trong đó: Kinh phí tiết kiệm (5%)": là số kinh phí tiết kiệm 5% được Cục Hàng không Việt Nam kiểm tra, thẩm định, đề xuất theo quy định tại Nghị quyết số 119/NQ-CP ngày 07/8/2024 của Chính phủ; Riêng số tiết kiệm từ khoản "Chi hoạt động kinh tế hàng không (Loại: 280 - Khoản: 296)" trên đây thay thế số dự toán đã giao tiết kiệm tại Quyết định số 782/QĐ-BGTVT ngày 26/06/2024 của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải.*
- *Các nội dung khác không thay đổi so với Quyết định đã giao dự toán trước đây của Bộ trưởng Bộ Giao thông vận tải./.*